

Giếng làng

PGS Chu Quang Trứ

Nông thôn Việt Nam xưa phần nhiều là nhà gianh, do đó rất ít nhà có bể nước mưa, người làng chủ yếu dùng nước giếng công cộng để nấu ăn. Vì thế “Cây đa - Giếng nước - Mái chùa” đã trở thành những hình ảnh của quê hương, nhất là đối với người xa xứ.

Nước mưa là tinh khí của trời cha và được đất mẹ giữ lấy, để từ đây mọi sinh linh sinh sôi và phát triển. Giếng nước là nơi tụ hội nguồn sống, là nơi tích phúc để dân làng ăn nên làm ra, và do đó nó là nơi của niềm hoan lạc kỳ thú. Trong sinh hoạt đời thường, người ta lấy nước giếng về dùng trong sinh hoạt như nước mưa, nó ngọt lịm khoan khoái như mót lành, làm dịu cơn khát và góp phần tạo nên những bữa ăn hàng ngày. Giếng nước còn là chiếc gương lớn để các cô gái ra gánh nước thì tranh thủ soi mình làm duyên. Và vì thế bên giếng làng thường diễn ra những cuộc hò hẹn ân tình lứa đôi.

Trong cái tổng thể văn hoá làng quê bình dị mà lung linh huyền ảo, cây đa có thần, mái chùa có phật thì giếng nước là sự tượng trưng cho sự dồi dào sung mãn và cho nguồn gốc của sự sống. Bàn thờ gia tiên ở nhà dân hay bàn thờ thần thánh ở đền, đình đều không thể thiếu được bát nước mưa hay nước giếng. Trước ngày hội làng, bài vị và ngai thờ Thành hoàng đều được mục dục (lau chùi) bằng nước giếng hay nước sông. Và nếu hội có thi nấu cơm hay thi làm cỗ thì đều lấy nước từ giếng làng.

Vài mươi năm nay, nông thôn từ ngày ngời hoá thì nhiều nhà đồng thời cũng có bể nước mưa, và khi triển khai phong trào nước sạch nông thôn thì nhà nhà có giếng đào và giếng khoan, do đó nhiều nơi chiếc giếng làng bị lãng quên và rồi san lấp để lấy mặt bằng xây dựng! Tuy nhiên không ít nơi chiếc giếng vẫn đang tham gia vào cuộc sống thường nhật của dân làng, thậm chí gắn bó với đời sống tâm linh của cả cộng đồng. Làng Giang Xá (Hà Tây) ngay trước cửa đền Lý Nam Đế là một khẩu giếng đất to, mặt thoáng thường xuyên thả bèo ong giữ cho nước giếng luôn trong mát. Làng Hiệp Thuận (Hà Tây) đào trong cù lao nhỏ giữa hồ có đường thông ra, đang là nguồn nước sạch của nhiều nhà. Nhiều nơi, trước cửa đình vẫn còn khẩu giếng bán nguyệt xây gạch Bát Tràng gợi lại khúc sông cong làm nơi tụ thủy - tụ phúc.

Cũng có một số giếng ngày nay không còn giá trị sử dụng nhưng vẫn được địa phương giữ gìn sạch sẽ, chẳng hạn khẩu giếng ở đầu đình Đại Phùng (Hà Tây) bên dưới xây bằng những thỏi đá ong, còn thành giếng là cả một khối đá ong khoét rỗng lòng, trông thật mộc mạc mà đanh chắc, hay khẩu giếng ở trước nhà Tổ chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) có thành giếng là một khối đá xanh khoét rỗng lòng, phía ngoài toả chân ra nền sân giếng tạo thành một đoá sen nở rộ với những cánh hoa chạm khá cầu kỳ. Bảo tàng Mỹ thuật đã phục chế khẩu giếng này trưng bày trong vườn cảnh như một di sản văn hoá quý. Sân chim Dâu (Bắc Ninh) còn khẩu giếng không có thành cao, hình thức đơn giản như truyền thuyết cho biết là lỗ cắm cây gậy của nàng Man Nương được sư Khâu Đà La cho để chống hạn, nước rất trong và không bao giờ cạn, nhà chùa vẫn dùng cho sinh hoạt. Trong thượng điện quán Linh Tiên (Hà Tây) có một khẩu giếng mà dân địa phương bảo là huyết đàn sa rất thiêng, nước trong ngọt và không bao giờ cạn, vẫn lấy nước cúng trong Thần điện.

Chùa Phật Tích (Bắc Ninh) được dựng từ thời Lý, hiện còn dấu tích những 3 khẩu giếng cổ: khẩu giếng trên sườn núi phía sau chùa được kè đá với bậc xuống từ phía sau, đáy ao từ một tảng đá tự nhiên được chạm thành đôi rồng, nay tuy không còn nguyên vẫn nhận ra rõ ràng, thư tịch xưa gọi là Long Trì. Trên sân bãi trước cửa chùa có khẩu giếng dưới đáy có tượng đầu rồng thời Lý rất điển hình, từ đây nước dù tát cạn lại phun ra rất nhanh. Dưới ao chùa cạnh đó, gần đây cũng phát hiện một khẩu giếng nữa, dưới đáy có một số đồ đất nung vốn xưa được trang trí cho kiến trúc. Chùa Giam (Bắc Ninh) trên nền chùa, phía sau cột đá chạm rồng cao hơn 5m vẫn còn dấu tích một khẩu giếng, dù ở phía bắc cột nhưng dân địa phương kể trong năm có ngày bóng cột sẽ ngã vào giếng, biểu hiện sự trường tồn cho dân cho nước. Chùa Phổ Minh (Nam Định) ngoài cặp giếng đất cân đối ở sân trước chùa được truyền là cặp mắt rồng, phía sau chùa đã phát hiện khẩu giếng cổ mà thân giếng được xếp bằng những chiếc vại dựng vôi đảm bảo cho nước luôn trong và sạch. Còn chùa Keo (Thái Bình) có khẩu giếng bên cạnh điện thánh, thân giếng được xếp bởi những chiếc cối đá thủng, truyền là đã dùng để giã gạo trong khi dựng chùa.

Ở đình Ngô Nội (Bắc Ninh) có bức chạm từ cuối thế kỷ 17, trong bức cốn gỗ ở trên cao, nghệ sĩ xưa chạm cảnh cô gái làng ra giếng gánh nước, đôi quang thùng nước và chiếc đòn gánh còn gác lên thành giếng, cô gái gặp người tình và hai người đang ân ái thì bị người khác thổi ống xì đồng làm chết. Họ chết vào giờ thiêng, được dân làng ghi hình và thờ phụng.

Thiêng hơn cả là những chiếc giếng từ buổi đầu dựng nước. Trên núi Trân Sơn (Bắc Ninh) có vạt núi đá được gọi là “Giếng Việt”, các khe đá nứt từ đó toả ra xung quanh, trên cao nhìn xuống như hình cửa mình bà mẹ xứ sở khổng lồ. Và có lẽ vì thế, giếng luôn là biểu trưng của âm tính với nước thiêng nguồn sống vĩnh hằng. Còn trong khu đền Hùng (Phú Thọ), ở dưới chân núi phía đông nam có đền Giếng là nơi thờ tự công chúa Ngọc Hoa (sau lấy Sơn Tinh) và công chúa Tiên Dung (sau lấy Chử Đồng Tử), hiện vẫn còn khẩu

giếng tương truyền là gương soi của hai nàng công chúa con Vua Hùng thứ 18. Trong khu thành Cổ Loa (Hà Nội), trước đền Thượng vẫn còn khẩu giếng ở giữa hồ, tương truyền nơi hồn Mị Châu đã hiện hình để dụ cho Trọng Thủy nhảy xuống, dân địa phương bảo để trả mối thù bị lừa lấy mất lấy nỏ thần, song văn học dân gian lại ghi nhận mối tình đôi lứa thuỷ chung.

Giếng làng nay còn ít và cũng ít giá trị thực dụng, nhưng những giá trị văn hoá của nó lại càng đậm trong tâm thức mọi người, và vì thế nó cứ lung linh toả sáng.